TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định số: 25/2019/HS-GĐT
Ngày 08 tháng 7 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm.

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: Ông Trương Minh Tuấn và Ông Đặng Kim Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Thắng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

1. Trần Thị Hồng H (Tên gọi khác: Út), sinh năm 1978; trú tại: thị trấn Kon Dơng, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Trần Quý Năm (sinh năm 1937) và bà Nguyễn Thị Hạnh (sinh năm 1942); có 02 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 08/8/2017.

2. Lê Văn H2, sinh năm 1975, trú tại: thôn Mai Xá, xã Gio Mai, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Lê Văn Kiệt (sinh năm 1950) và bà Bùi Thị Thời (sinh năm 1953); có vợ là Hoàng Thị Lãnh (sinh năm 1977); có 03 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền sự: không; tiền án: có 03 tiền án:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2013/HSST ngày 21/8/2013, TAND tỉnh Quảng Trị xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "*Đánh bạc*".

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2014/HSST ngày 25/3/2014, TAND huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị xử phạt 09 tháng tù về tội "*Đánh bạc*", tổng hợp hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2013/HSST ngày 21/8/2013, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 21 tháng tù.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2015/HSST ngày 11/11/2015, TAND huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị tuyên phạt 12 tháng tù về tội "*Đánh bạc*". (Đang được hoãn thi hành án).

Bị bắt tạm giam ngày 08/8/2017.

3. Nguyễn Công C, sinh năm 1969; trú tại: tổ 03, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 5/12; con ông Nguyễn Bước (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đào (sinh năm 1937); có vợ là Nguyễn Thị Thới (sinh năm 1972); có 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm: 1997; Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 08/8/2017.

4. Phạm Như T, sinh ngày 20/5/1987; trú tại: tổ 11, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: sửa xe; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Phạm Như Hồng (sinh năm 1961) và bà Trương Thị Tải (sinh năm 1960); có vợ là Đinh Thị Lệ Thủy (sinh năm 1991); có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 18/01/2006, bị TAND thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "*Trộm cắp tài sản*"; bị bắt tạm giam ngày 08/8/2017.

(Vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn N bị truy tố, xét xử về tội "Đánh bạc").

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 03/8/2017, Trần Thị Hồng H, Nguyễn Công C, Phạm Như T và Lê Văn H2 rủ nhau từ Tp. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào Tp. Đà Nẵng chơi. C, T và H2 đi xe khách vào trước, còn Trần Thị Hồng H thuê xe ô tô biển số 75A-016.82 của Nguyễn Văn N vào sau. Trên đường đi, H điện thoại rủ C đến ăn, uống tại quán PN (phường Th, quận S, TP Đà Nẵng) thì C đồng ý. Khoảng 13 giờ cùng ngày, khi C, H và N ăn, uống được khoảng 10 phút thì H và N đi thuê khách sạn để nghỉ rồi quay lại sau. Khi H về khách sạn thì nảy sinh ý định tổ chức đánh bài để ăn tiền của N. H liền nhắn tin trao đổi ý định với C thì C đồng ý, cả 02 thống nhất thay đổi tên gọi của C, H2, T và H thành tên Ba, Quang, Dũng và Út khi có mặt N.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, H cùng N quay lại quán PN ngồi ăn, uống với C, T; khi ngồi được một lúc thì H2 tới. Khi H2 vào bàn, C giới thiệu với N là Quang; đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, N rủ tất cả đi hát Karaoke nhưng H không đồng ý mà rủ đánh bài ăn tiền bằng hình thức "xì lát", thì tất cả đồng ý. Khi đánh bài, N và H cầm cái và chung một cửa, còn T, C, H2 là các nhà con. Mỗi một ván bài cá cược số tiền từ 200.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, N thua hết 9.000.000đ mang theo nên đưa cho H một thẻ ATM để H đi rút 5.000.000đ (H về đưa cho N 4.800.000đ) rồi tiếp tục đánh bài. Chơi được một lúc, N thua hết số tiền trên nhưng T, C, H2 vẫn tiếp tục chơi đánh bài và cho N nợ. Khi N nợ số tiền 100.000.000đ thì C bảo nghỉ nhưng N không chịu mà nói cầm xe ô tô để lấy tiền trả nợ và chơi tiếp, rồi N nhờ H tìm người cầm xe ô tô. Trần Thị Hồng H gọi điện cho Nguyễn Văn H1 đến cầm xe cho N nhưng H1 nói không có tiền. Trần Thị Hồng H nói với Nguyễn Văn H1 là có người nợ tiền H, chỉ cần Nguyễn Văn H1 đóng vai người đến nhận cầm xe thì Trần Thị Hồng H cho Nguyễn Văn H1 hưởng 20% trên tổng số tiền cầm xe và được lấy tiền cầm xe như thông thường. Nguyễn Văn H1 đồng ý và rủ Nguyễn

Trọng K đến quán nhậu PN để giúp Nguyễn Văn H1 lái xe về sau khi cầm xe. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, N thua số tiền 200.000.000 đồng thì tất cả nghỉ chơi chờ người cầm xe đến để lấy tiền đánh tiếp.

Lúc này, Trần Thị Hồng H nhắn tin cho C bảo gom tiền từ H2 và T để giao cho H1 đưa cho người cầm đồ. Sau khi nhận được tin nhắn của H1, C lấy số tiền 18.500.000 đồng của T và C trên chiếu bạc đưa cho H1. Trần Thị Hồng H thấy ít tiền nên thêm vào 6.000.000đ, được tổng cộng 24.500.000đ. Khi Nguyễn Văn H1 đến, Trần Thị Hồng H thỏa thuận với Nguyễn Văn H1 là N còn nợ Trần Thị Hồng H 200.000.000đ nên Nguyễn Văn H1 giả vờ nhận cầm xe 250.000.000đ và Trần Thị Hồng H sẽ đưa cho Nguyễn Văn H1 số tiền 50.000.000 đồng để đưa cho N, rồi yêu cầu N viết hợp đồng thế chấp xe ô tô và viết giấy mượn tiền đối với chiếc xe ôtô biển số 75A - 016.82, với số tiền 250.000.000 đồng. Sau khi thống nhất với Trần Thị Hồng H, Nguyễn Văn H1 vào gặp và nói với N về việc nhận cầm xe giá 250.000.000 đồng và yêu cầu N viết giấy mượn số tiền 250.000.000 đồng. Sau khi làm xong thủ tục cầm xe, Nguyễn Văn H1 đưa tiền cho N và nói là 50.000.000 đồng. N bảo Trần Thị Hồng H đếm, Trần Thị Hồng H giả vờ đếm và nói với N là đủ 50.000.000 đồng, nhưng thực tế chỉ có 24.500.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Văn H1 nhờ Nguyễn Trọng K điều khiển xe về. Khi có được tiền cầm xe, N cùng Trần Thị Hồng H tiếp tục đánh bạc với C, H2, T và thua hết số tiền trên. Tổng số tiền được các bị cáo sử dụng vào đánh bạc là 259.000.000 đồng.

Tại Kết luận điều tra số 08/KTĐT ngày 31/12/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận S, thành phố Đà Nẵng đề nghị truy tố các bị cáo Trần Thị Hồng H, Nguyễn Công C, Phạm Như T, Lê Văn H2 và Nguyễn Văn N về tội "Đánh bạc" theo khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Cáo trạng số 10/2017/KSĐT ngày 31/01/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng truy tố các bị cáo Trần Thị Hồng H, Nguyễn Công C, Phạm Như T và Nguyễn Văn N về tội "Đánh bạc" theo điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Lê Văn H2 về tội "Đánh bạc" theo điểm b, c khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngày 27/02/2018, Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 07/2018/HSST-QĐ; nội dung yêu cầu điều tra bổ sung: Các bị cáo có dấu hiệu phạm tội "Tổ chức đánh bạc" theo Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngày 15/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng ban hành Văn bản số 29/CV-VKS-ST với nội dung truy tố các bị cáo nêu trên về tội "Đánh bạc" theo khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng tội, vì vậy giữ nguyên quyết định truy tố.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2018/HSST ngày 04/4/2018, Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng quyết định:

- Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt các bị cáo Trần Thị Hồng H, Lê Văn H2, mỗi bị

cáo 06 năm tù; các bị cáo Nguyễn Công C, Phạm Như T mỗi bị cáo 03 năm 06 tháng tù; đều về tội "Tổ chức đánh bạc"

- Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 248; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Văn N 24 tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí, công bố quyền kháng cáo.

Trong hạn luật định, các bị cáo Trần Thị Hồng H, Nguyễn Công C, Lê Văn H2 và Phạm Như T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 138/2018/HSPT ngày 26/7/2018, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, tuyên sửa tội danh và tuyên phạt bị cáo Trần Thị Hồng H 04 năm tù, Lê Văn H2 05 năm tù, Phạm Như T 02 năm 06 tháng tù và Nguyễn Công C 02 năm tù, cùng về tội "Đánh bạc" theo khoản 2 Điều 248 BLHS năm 1999.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 29/QĐ-VC2 ngày 08/3/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 138/2018/HS-PT ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2018/HSST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo Trần Thị Hồng H, Nguyễn Công C, Phạm Như T, Lê Văn H2 và Nguyễn Văn N đều khai nhận tội, đối chiếu thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Từ khoảng 16 giờ 30 phút ngày 03/8/2017, Trần Thị Hồng H rủ các bị cáo đánh bài ăn tiền bằng hình thức "xì lát", thì tất cả đồng ý. Khi đánh bài, N và H cầm cái và chung một cửa, còn T, C, H2 là các nhà con. Mỗi một ván bài cá cược số tiền từ 200.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Khi N nợ số tiền 100.000.000đ thì C bảo nghỉ, nhưng N không chịu mà nói cầm xe ô tô để lấy tiền trả nợ và chơi tiếp, rồi N nhờ H tìm người cầm xe ô tô. Trần Thị Hồng H gọi điện cho Nguyễn Văn H1 đến cầm xe cho N và nói chỉ cần Nguyễn Văn H1 đóng vai người đến nhận cầm xe, thì Trần Thị Hồng H cho Nguyễn Văn H1 hưởng 20% trên tổng số tiền cầm xe và được lấy tiền cầm xe như thông thường. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, N thua số tiền 200.000.000 đồng thì tất cả nghỉ chơi để chờ người cầm xe đến để lấy tiền đánh tiếp. Sau khi làm xong thủ tục cầm xe, Nguyễn Văn H1 đưa tiền cho N và nói là 50.000.000 đồng. N bảo Trần Thị Hồng H đếm, Trần Thị Hồng H giả vờ đếm và nói với N

là đủ 50.000.000 đồng, nhưng thực tế chỉ có 24.500.000 đồng. Khi có được tiền cầm xe, N cùng Trần Thị Hồng H tiếp tục đánh bạc với C, H2, T và thua hết số tiền trên. Tổng số tiền được các bị cáo sử dụng vào đánh bạc là 259.000.000 đồng.

Trong vụ án này, bị cáo Trần Thị Hồng H là người rủ rê và dàn xếp việc đánh bạc cùng với các bị cáo Lê Văn H2, Nguyễn Công C và Phạm Như T nhằm mục đích ăn tiền của Nguyễn Văn N, cụ thể H và các bị cáo khác cùng nhau thống nhất đổi thành những tên gọi khác để N không nhận biết và dàn dựng người đến cầm xe khi N thua hết tiền; trực tiếp cầm cái cho các bị cáo khác chơi; tổ chức nơi cầm cố tài sản cho người đánh bạc. Hành vi của các bị cáo Trần Thị Hồng H, Lê Văn H2, Nguyễn Công C và Phạm Như T đã bị Tòa án nhân dân quận S xét xử về tội "Tổ chức đánh bạc" theo điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; đối với bị cáo Lê Văn H2 còn áp dụng thêm điểm c khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Bản án phúc thẩm không nhận định hành vi của các bị cáo phạm tội gì mà căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh "Tổ chức đánh bạc" trong khi Viện kiểm sát truy tố các bị cáo tội "Đánh bạc" là xét xử các bị cáo về tội nặng hơn tội của Viện kiểm sát truy tố là làm bất lợi cho người phạm tội và chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Hồng H, Lê Văn H2, Phạm Như T, Nguyễn Công C, sửa bản án sơ thẩm xử các bị cáo nói trên về tội "Đánh bạc" và áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo: Lê Văn H2 05 năm tù, Trần Thị Hồng H 04 năm tù, Phạm Như T 02 năm 06 tháng tù, Nguyễn Công C 02 năm tù là không đúng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và các bộ luật, luật liên quan quy định: Kể từ ngày 01/01/2018, các bộ luật, luật sau đây có hiệu lực thi hành; trong đó có Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13. Tại Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định có lợi cho người phạm tội chỉ nêu các quy định về thủ tục tố tụng áp dụng đối với các trường hợp chuyển hình phạt từ tử hình sang hình phạt chung thân, tha tù, xóa án tích, xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi. Do đó, sau khi trả hồ sơ điều tra bổ sung và đã nêu rõ tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân quận S áp dụng khoản 3 Điều 298 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và xét xử các bị cáo về tội danh nặng hơn tội danh Viện kiểm sát nhân dân quận S đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Hình phạt mà Tòa án nhân dân quận S áp dụng đối với các bị cáo Trần Thị Hồng H, Lê Văn H2 mỗi bị cáo 06 năm tù; các bị cáo Nguyễn Công C, Phạm Như T mỗi bị cáo 03 năm 06 tháng tù là hoàn toàn phù hợp.

[4]. Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 29/QĐ-VC2 ngày 08/3/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo thủ tục giám đốc

thẩm, hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 138/2018/HSPT ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2018/HSST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 382; khoản 2 Điều 388; Điều 390 Bộ luật tố tụng Hình sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 29/QĐ-VC2 ngày 08/3/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 138/2018/HSPT ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2018/HSST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- TAND quận S;
- VKSND quận S;
- Chi cục THA DS quận S;
- Công an quận S;
- Trại tạm giam Hòa Sơn
(08 bản, để giao cho mỗi bị cáo 01 bản);
- Lưu: Phòng GĐKT I (03 bản); Phòng HCTP, LTHS.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm